

Số: /TC - STP

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2023

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 12 năm 2023

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 12 năm 2023, như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 12 năm 2023, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành **23** văn bản quy phạm pháp luật (**14 Nghị quyết, 09 Quyết định**), gồm:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1.1. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.2. Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án dự án dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2025;

1.3. Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025;

1.4. Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên

tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2023 - 2030;

1.5. Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.6. Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

1.7. Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.8. Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025;

1.9. Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.10. Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bãi bỏ một phần Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách ưu đãi đối với học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Tuyên Quang và học sinh tham gia đội tuyển của tỉnh dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia;

1.11. Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định chính sách hỗ trợ người mắc bệnh Suy thận mạn tính phải chạy thận nhân tạo chu kỳ, bệnh Tan máu bẩm sinh (Thalassaemia) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.12. Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

1.13. Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025;

1.14. Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Quyết định của Ủy ban nhân dân

2.1. Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 03/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.2. Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.3. Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.4. Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.5. Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.6. Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp trong thực hiện công tác trách nhiệm bồi thường của nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.7. Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.8. Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.9. Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

1. Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND)

1.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

- Khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công quy định:

“Điều 17. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án

7. Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều này.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân quyết định việc giao cho Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án quy định tại khoản này phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương.”

Căn cứ quy định nêu trên, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020, trong đó tại Điều 3 đã “giao UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng trong kế hoạch đầu tư công và dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt

thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên và các nguồn vốn hợp pháp khác”.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh các dự án có tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng trở lên ngày càng trở nên phổ biến so với thời điểm HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND, quá trình triển khai dự án từ khi thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư đến khởi công thực hiện phải qua rất nhiều thủ tục, trong khi HĐND tỉnh chỉ họp định kỳ mỗi năm 02 lần, việc tổ chức các kỳ họp chuyên đề cũng mất nhiều thời gian. Do đó cần thiết phải nghiên cứu mở rộng phạm vi giao UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C trên địa bàn tỉnh, qua đó góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.

Từ các vấn đề nêu trên việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nhằm đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các dự án nhóm C do tỉnh quản lý được thuận lợi, nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra tại địa phương.

1.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND

Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND gồm **05** điều, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- **Điều 3:** Quy định về phạm vi giao thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án. Trong đó, giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C trong kế hoạch đầu tư công thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên và các nguồn vốn hợp pháp khác do cấp tỉnh quản lý.

- **Điều 4, Điều 5:** Quy định về tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành.

Bãi bỏ Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án được liệt kê thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2025 (sau đây

viết tắt là Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND)

2.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023.

2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP quy định:

“Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

*...đ) Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; **mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp** quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này”.*

Khoản 1 Điều 10, điểm a khoản 5 Điều 14 Thông tư số 10/2022/TT-BYT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 12/2023/TT-BYT) quy định:

“Điều 10. Mẫu hồ sơ, quy trình lựa chọn và nội dung quyết định phê duyệt dự án được liệu quý

1. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu đề xuất lựa chọn dự án. Cơ quan chủ quản chương trình có thể tham khảo các biểu mẫu được ban hành tại phụ lục của Thông tư này để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc ban hành mẫu hồ sơ, thủ tục lựa chọn dự án được liệu quý theo quy định....

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

...5. Đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao là chủ trì nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý có trách nhiệm:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành biểu mẫu sử dụng trong lựa chọn dự án, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo khoản 1, Điều 40, Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022

của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia...”

Căn cứ các quy định nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án được liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2025 là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án được liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2025 nhằm đảm bảo tính thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện các dự án được liệu quý thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND

Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND gồm **05** điều và **02** phụ lục, cụ thể:

- Điều 1, Điều 2: Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Theo đó, đối tượng áp dụng của Nghị quyết, bao gồm: (1) các cá nhân, hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp để phát triển được liệu quý cùng tham gia thực hiện dự án; (2) thôn, bản, xã, huyện nơi triển khai dự án; (3) Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh triển khai hoặc tham gia vào dự án được liệu quý hoạt động tại các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, trước hết tập trung ưu tiên cho người dân tộc thiểu số trên địa bàn triển khai dự án (ưu tiên các dự án sử dụng trên 50% lao động là nữ) có cam kết hỗ trợ thu mua, sản xuất, tiêu thụ được liệu của các dự án trên.

- Điều 3: Quy định về Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án được liệu quý. Mẫu hồ sơ đề xuất lựa chọn dự án được liệu quý quy định tại Phụ lục I, Mẫu hồ sơ thực hiện quy trình lựa chọn dự án được liệu quý quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Điều 4, Điều 5: Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

- Phụ lục số 01: Mẫu hồ sơ đề xuất lựa chọn dự án được liệu quý.

- Phụ lục số 02: Mẫu hồ sơ thực hiện quy trình lựa chọn dự án được liệu quý.

3. Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND)

3.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023.

3.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 01/7/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025 (*viết tắt là Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND*). Tuy nhiên, hiện nay căn cứ pháp lý chính ban hành Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND là Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025 đã được điều chỉnh tại Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025, nên một số nội dung tại Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND đến nay không còn phù hợp với quy định mới ban hành và tình hình thực hiện tại địa phương, vì vậy việc ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 01/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025 là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phân bổ nguồn lực đảm bảo phù hợp với các quy định của Nhà nước và thực tiễn của địa phương; đồng thời bổ sung một số định mức hỗ trợ cụ thể cho một số đối tượng thụ hưởng của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND

Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND gồm 03 điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- **Điều 5, Điều 3:** Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

4. Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Quy định chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2023 - 2030 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND)

4.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023.

4.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

- Ngày 18/5/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 590/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030, tuy nhiên nội dung Quyết định số 590/QĐ-TTg không quy định cụ thể chính sách hỗ trợ và tại điểm d khoản 7 mục VI Điều 1 quy định:

“Điều 1. Phê duyệt “Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau:

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

d) Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình tại địa phương.”

- Ngày 29/8/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Văn bản số 5668/BNN-KTHT hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tại mục 4 phần VI có nêu:

“VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao và một số nội dung hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg nêu trên, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

4. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình tại địa phương.”

- Điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước quy định:

“Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

h) Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.”

- Khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

3. Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;”

Căn cứ các quy định nêu trên, để đảm bảo việc triển khai thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023 – 2030 thì việc ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt

khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2023 – 2030 là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Nhằm cụ thể hóa nội dung quy định tại điểm d, khoản 7, Mục VI, Điều 1, Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời tạo sự thống nhất, đồng bộ trong việc hỗ trợ, quản lý, giám sát công tác bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023-2030.

4.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND

Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND gồm **05** điều, cụ thể:

- Điều 1: Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Đối tượng áp dụng của Nghị quyết gồm: (1) Hộ gia đình bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ ống, lũ quét; hộ gia đình sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ ống, lũ quét, ngập lụt; (2) Hộ gia đình sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; sống ở nơi ô nhiễm môi trường; (3) Hộ gia đình đã di cư tự do đến các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài; (3) Hộ gia đình đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng địa phương không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển mà phải bố trí ổn định tại chỗ; (5) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động hỗ trợ thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2023-2030.

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết không bao gồm phạm vi và đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2030.

- Điều 2: Quy định về nguyên tắc thực hiện.

- Điều 3: Quy định về chính sách hỗ trợ. Theo đó, việc hỗ trợ được thực hiện bằng 02 hình thức: (1) Hỗ trợ theo hình thức xen ghép (*hỗ trợ tạo mặt bằng để làm nhà ở và ở trợ làm nhà tại nơi ở mới*); (2) Hỗ trợ theo hình thức ổn định tại chỗ.

- Điều 4: Quy định về nguồn kinh phí thực hiện.

- Điều 5, Điều 6: Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

5. Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND)

5.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

5.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 26/7/2017, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ban hành Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND), trong đó lệ phí cấp giấy phép xây dựng được quy định tại khoản 2 Mục II Phần B Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND.

Tuy nhiên, đến nay căn cứ pháp lý chính để ban hành Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND là Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Thông tư số 85/2019/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021). Nhiều nội dung của Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND không còn phù hợp với quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC), các quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương; quy định về lệ phí cấp giấy phép xây dựng không còn phù hợp với Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Từ vấn đề nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để bãi bỏ khoản 2 Mục II Phần B Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Nghị quyết nhằm quy định thống nhất, đồng bộ mức thu phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

5.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND

Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND gồm **04** điều, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Theo đó, đối tượng nộp lệ phí là Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật (*bao gồm: xây dựng mới; sửa chữa, cải tạo; di dời công trình; xây dựng có thời hạn; điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng*); Cơ quan thu lệ phí gồm: Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Điều 3: Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Mức thu lệ phí như sau:

+ Cấp giấy phép xây dựng, điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: 75.000 đồng/01 giấy phép;

+ Cấp giấy phép xây dựng, điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng khác: 150.000 đồng/01 giấy phép;

+ Cấp lại giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: 30.000 đồng/01 giấy phép;

+ Cấp lại giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng khác: 60.000 đồng/01 giấy phép;

+ Gia hạn giấy phép xây dựng: 15.000 đồng/lần.

- Điều 4, Điều 5: Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành. Bãi bỏ khoản 2 Mục II Phần B Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng 10 khoản phí và 05 khoản lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

6. Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND)

6.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

6.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 20/12/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ban hành Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Qua quá trình triển khai thực hiện, một số nội dung của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND về mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ trích nộp phí, lệ phí đã không còn phù hợp với tình hình thực tế (*Như: việc thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nội dung “chỉ xác nhận biến động trên giấy chứng nhận đã cấp”, mức thu đang quy định theo diện tích đất đã được cấp, như vậy chưa phù hợp, nhất là đối với ở khu vực nông thôn, cơ bản cấp nhiều thửa đất trên một giấy chứng nhận nên mức phí thu cao hơn; hiện nay Văn phòng Đăng ký đất đai đã được UBND tỉnh giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, nguồn thu, chính của đơn vị hiện nay là từ hoạt động thu phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, tuy nhiên quy định về tỷ lệ % phí, lệ phí được để lại tại khoản 4 Điều 3 (để lại 60%) và khoản 4 Điều 7 (để lại 40%) Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND còn thấp không đảm bảo cho đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên).*

Căn cứ các quy định nêu trên việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý đối với công tác thẩm định, giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật về phí, lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

6.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND

Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND gồm **03** điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong đó sửa đổi, bổ sung mục 1, mục 2 phần I Biểu mức thu tại khoản 3 Điều 3; sửa đổi, bổ sung phần IV Biểu mức thu tại khoản 3

Điều 3; sửa đổi khoản 4 Điều 3 và khoản 4 Điều 7 về tỷ lệ trích, nộp; bổ sung mục 3a sau mục 3 Biểu mức thu tại khoản 3 Điều 9, đối với trường hợp xác nhận trên giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp đăng ký biến động đất đai do người sử dụng đất bị thu hồi đất, tự nguyện trả lại đất để thực hiện các công trình, dự án...thì không mất phí.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

7. Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND)

7.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

7.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

- Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, HĐND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Ngày 31/5/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2023 và thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP. Theo đó một số nội dung tại Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND không còn phù hợp với Nghị định số 27/2023/NĐ-CP.

- Khoản 4 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP quy định:

“Điều 6. Mức thu phí

4. Căn cứ nguyên tắc xác định mức thu phí quy định tại Luật Phí và lệ phí, Biểu khung mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định này và tham khảo mức thu phí của các địa phương có khai thác khoáng sản tương tự thuộc đối tượng chịu phí, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quyết định cụ thể mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại kỳ họp gần nhất ban hành Nghị quyết về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng tại địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.”

Căn cứ các quy định nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác từng loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nhằm đảm bảo mức thu phí nằm trong khung mức thu phí bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, đồng thời tạo cơ sở thống nhất về mức thu, đơn vị tính, công tác thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

7.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND

Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND gồm **04** điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng. Theo đó, Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; đối tượng nộp phí gồm các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật khoáng sản (*trừ các trường hợp được miễn phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ Quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản*); tổ chức thu phí gồm Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang và các Chi cục Thuế trực thuộc.

- **Điều 2:** Quy định về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- **Điều 3, Điều 4:** Quy định về tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành. Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024 và thay thế Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

8. Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn

mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND)

8.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

8.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Căn cứ nội dung được phân cấp tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 Quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025.

Ngày 15/8/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2023 và thay thế Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Theo đó, một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND đã không còn phù hợp.

Từ các vấn đề nêu trên việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Bảo đảm việc triển khai thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, không làm ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

8.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND

Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND gồm **05** điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về phạm vi điều chỉnh. Theo đó, Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, gồm: (1) Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung thực hiện Chương trình; (2) Nguồn ngân sách địa phương bố trí thực hiện Chương trình; (3) Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu khác và huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân.

- **Điều 2:** Quy định về đối tượng áp dụng.

- **Điều 3:** Quy định về nội dung và mức hỗ trợ.

- **Điều 4, Điều 5:** Quy định về tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành.

Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND thay thế Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025. Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ kinh phí thực hiện trước ngày 01/01/2024 thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

9. Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND)

9.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023.

9.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 23/02/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-TTg về tiếp tục đẩy mạnh triển khai đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo (viết tắt là *Chỉ thị số 05/CT-TTg*). Trong đó, tại mục 12 giao Bộ Tài chính “ngiên cứu, đề xuất cơ chế ưu đãi về phí, lệ phí trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 3 năm 2023”.

Ngày 10/3/2023, Bộ Tài chính đã ban hành Văn bản số 2221/BTC-CST về việc thực hiện Thông báo số 36/TB-VPCP ngày 19/02/2023 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 (*viết tắt là Văn bản số 2221/BTC-CST*), trong đó tại mục 1 và mục 2 nêu:

“1. ...Căn cứ quy định nêu trên, hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến không thuộc đối tượng miễn, giảm phí, lệ phí theo quy định tại Điều 10 Luật Phí và lệ phí. Do đó, để khuyến khích hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến có thể quy định mức phí, lệ phí thấp hơn so với mức phí, lệ phí áp dụng đối với cung cấp dịch vụ công trực tiếp. Việc miễn, giảm phí, lệ phí phụ thuộc vào điều kiện thực tế của từng dịch vụ công cụ thể và thuộc thẩm quyền quy định của 04 cơ quan (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh).

2. ...Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị: ...

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu phí, lệ phí (thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài chính trước ngày 30/7/2023”.

Để triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến, góp phần đẩy mạnh thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến thì việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Bảo đảm việc thi hành Luật Phí và lệ phí, các văn bản hướng dẫn thi hành và Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC*). Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính; khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến, góp phần đẩy mạnh thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

9.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND

Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND gồm 04 điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng. Theo đó,

Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; lệ phí hộ tịch; lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh; lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

- Điều 2: Quy định về mức thu lệ phí.

+ Mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí theo quy định hiện hành tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

+ Mức thu lệ phí được làm tròn theo nguyên tắc: Lẻ dưới 500 đồng thì tính tròn xuống 0 đồng, từ 500 đồng đến dưới 1.000 đồng thì tính tròn lên 1.000 đồng

- Điều 3, Điều 4: Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

10. Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Bãi bỏ một phần Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách ưu đãi đối với học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Tuyên Quang và học sinh tham gia đội tuyển của tỉnh dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND)

10.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023.

10.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 24 tháng 07 năm 2017, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND Quy định chính sách ưu đãi đối với học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Tuyên Quang và học sinh tham gia đội tuyển của tỉnh dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia (viết tắt là Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND).

Tại mục 2.1 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND quy định về chính sách cho học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên và viện dẫn thực hiện theo Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (viết tắt là Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT).

Tuy nhiên, ngày 17 tháng 07 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục (*viết tắt là Nghị định số 84/2020/NĐ-CP*). Tại Điều 8 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP đã quy định cụ thể về đối tượng, mức, nguồn kinh phí, trình tự xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh trường Trung học phổ thông Chuyên và quy định “Ngoài học bổng khuyến khích học tập theo quy định của Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể có các chế độ, chính sách khác đối với học sinh trường chuyên, trường năng khiếu thuộc địa phương hoặc do địa phương quản lý” (điểm c khoản 5). Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 48/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và liên tịch ban hành về chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên, trong đó đã bãi bỏ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT. Theo đó, mục 2.1 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND không còn phù hợp.

Từ những vấn đề nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết bãi bỏ mục 2.1 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 24/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách ưu đãi đối với học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Tuyên Quang và học sinh tham gia đội tuyển của tỉnh dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Kịp thời bãi bỏ một số nội dung của Điều 1, Nghị quyết số 01/2017/NQHĐND viện dẫn thực hiện theo Điều 1, Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT đã hết hiệu lực thi hành (*hết hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2022*).

10.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND

Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND gồm 03 điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về bãi bỏ một phần Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách ưu đãi đối với học sinh Trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Tuyên Quang và học sinh tham gia đội tuyển của tỉnh dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành.

11. Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định chính sách hỗ trợ người mắc bệnh Suy thận mạn tính phải chạy thận nhân tạo chu kỳ, bệnh Tan máu

bẩm sinh (Thalassaemia) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND)

11.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

11.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 10/12/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND Quy định chính sách hỗ trợ người mắc bệnh Suy thận mạn tính phải chạy thận nhân tạo chu kỳ, bệnh Tan máu bẩm sinh (Thalassaemia) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND).

Quá trình thực hiện Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND, việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hỗ trợ có một số vướng mắc, khó khăn do cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ là Sở Y tế, phần lớn người dân trực tiếp nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Trung tâm hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính nhưng hồ sơ chưa đủ điều kiện hỗ trợ nên phải chỉnh sửa, bổ sung nhiều, mà khoảng cách từ cơ sở điều trị đến Sở Y tế tương đối xa, gây tốn kém và ảnh hưởng tới sức khỏe của người bệnh.

Tại điểm b khoản 2 Mục III Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030 quy định: “2. Cải cách thủ tục hành chính: ...b) Nhiệm vụ: ...- *Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà cho nhân dân*”.

Từ những vấn đề nêu trên thì việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ người mắc bệnh Suy thận mạn tính phải chạy thận nhân tạo chu kỳ, bệnh Tan máu bẩm sinh (Thalassaemia) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người bệnh khi làm thủ tục đề nghị hỗ trợ, thực hiện đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

11.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND

Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND gồm 03 điều, cụ thể:

- **Điều 1:** Quy định về Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ người mắc bệnh Suy thận mạn tính phải chạy thận nhân tạo chu kỳ, bệnh Tan máu bẩm sinh (Thalassaemia) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành. Đối với các trường hợp đã nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND trước ngày 01/01/2024 thì Sở Y tế tiếp tục thực hiện thẩm định và thanh toán chi phí hỗ trợ theo quy định.

12. Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND)

12.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

12.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 23/7/2014, HĐND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND Ban hành Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ pháp lý chính để ban hành Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND là Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP).

Ngày 18/01/2015, HĐND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND Quy định mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ pháp lý chính để ban hành Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND là Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP).

Tuy nhiên, đến nay Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP và Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Thông tư số 56/2023/TT-BTC. Theo đó, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang tại Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND không phù hợp với mức chi quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC.

Từ những vấn đề nêu trên thì ban hành Nghị quyết quy định quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để thay thế Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang phù hợp với quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC, ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

12.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND

Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND gồm **06** điều và **01** Phụ lục, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- **Điều 3:** Quy định về nguyên tắc áp dụng, cụ thể:

+ Các mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở không quy định tại Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC và các văn bản pháp luật hiện hành.

+ Các chương trình, đề án, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn đó; trường hợp không có quy định riêng thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC và Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND.

+ Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các

văn bản mới đó.

- **Điều 4:** Quy định về mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Phụ lục kèm theo.

- **Điều 5, Điều 6:** Quy định về tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành.

Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND thay thế Nghị quyết số 15/2014/NQHĐND ngày 23 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND ngày 18 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- **Phụ lục:** Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

13. Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND)

13.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

13.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 28/02/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND Quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; một số nội dung và mức chi giảm nghèo về thông tin thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2025, căn cứ chính để ban hành Nghị quyết là Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

Ngày 15/8/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn

2021 – 2025 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2023 và thay thế Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tại khoản 3, khoản 4 Điều 76 Thông tư số 55/2023/TT-BTC không còn phân cấp cho HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi cụ thể đối với nội dung chi hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Theo đó nội dung quy định về nội dung chi và mức chi hỗ trợ đối với các nội dung nêu trên tại Điều 4 và Điều 5 Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND không còn thuộc thẩm quyền quy định của HĐND tỉnh.

Khoản 1 Điều 74 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định “*Căn cứ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo từ nguồn ngân sách nhà nước. Ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương tối đa bằng 40.000.000 đồng/hộ gia đình đối với xây mới nhà ở và 20.000.000 đồng/hộ gia đình đối với sửa chữa nhà ở theo quy định khoản 1 Điều 9 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg*”. Theo đó Thông tư số 55/2023/TT-BTC tiếp tục giao HĐND tỉnh quyết định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo.

Căn cứ các quy định nêu trên việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 để thay thế Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Bảo đảm việc triển khai thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, không làm ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

13.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND

Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND gồm **05** điều, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- **Điều 3:** Quy định về Chi hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, cụ

thê:

+ *Nội dung chi*: Chi hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo từ nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

+ *Mức chi*: Ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương như sau: (1) Nhà xây mới: 10.000.000 đồng/ hộ gia đình; (2) Nhà sửa chữa: 5.000.000 đồng/ hộ gia đình.

+ *Nguồn kinh phí thực hiện*: Ngân sách địa phương

- Điều 4, Điều 5: Quy định về tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành.

Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND thay thế Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; một số nội dung và mức chi giảm nghèo về thông tin thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

14. Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Quy định về người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND)

14.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

14.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐND.

Ngày 10/6/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/08/2023 và bãi bỏ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, theo đó căn cứ chính để ban hành Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND đã hết hiệu lực thi hành; một số quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND (*sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND*) không còn phù hợp với quy định của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; mức phụ cấp/mức hỗ trợ đối với một số chức danh người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố còn thấp so với mức khoán quỹ phụ cấp quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Từ các vấn đề nêu trên thì việc ban hành Nghị quyết Quy định về chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp, hỗ trợ theo nhóm nhiệm vụ; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để thay thế Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND (*sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND*) là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Quy định về chức danh, mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp, hỗ trợ theo nhóm nhiệm vụ; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức khoán kinh phí hoạt động ở thôn, tổ dân phố đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, nhằm phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư, tăng thu nhập cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

14.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND

Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND gồm **09** điều và **03** phụ lục, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- **Điều 3:** Quy định về chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp đối với người hoạt động không

chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, được quy định tại các Phụ lục 01, 02 và 03.

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố (không bao gồm người đang hưởng lương, hưởng lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động) ngoài mức phụ cấp theo quy định tại Phụ lục 01 và 02, hàng tháng được hưởng thêm hệ số phụ cấp theo trình độ đào tạo (không dùng hệ số phụ cấp theo trình độ đào tạo để tính đối với các chức danh kiêm nhiệm) như sau: (1) Trình độ đại học trở lên: Hệ số 0,2 lần mức lương cơ sở; (2) Trình độ cao đẳng: Hệ số 0,15 lần mức lương cơ sở; (3) Trình độ trung cấp: Hệ số 0,1 lần mức lương cơ sở.

- **Điều 4:** Quy định về việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành.

- **Điều 5:** Quy định về mức hỗ trợ hàng tháng đối với Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi ở cấp xã và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp hàng tháng theo nhóm nhiệm vụ các chức danh khác (theo văn bản chuyên ngành).

- **Điều 6:** Quy định về mức khoán kinh phí hoạt động ở thôn, tổ dân phố. Mức khoán kinh phí hoạt động ở thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là 6.600.000 đồng/năm; thôn, tổ dân phố còn lại là 6.000.000 đồng/năm.

- **Điều 6, Điều 7 và Điều 8:** Quy định về nguồn kinh phí, tổ chức thực hiện, điều khoản thi hành.

- **Phụ lục 01:** Quy định về chức danh và mức phụ cấp hàng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

- **Phụ lục 02:** Quy định về mức phụ cấp hàng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

- **Phụ lục 02:** Quy định về mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã.

III. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

1. Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 03/12/2023 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau

đây viết tắt là Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND)

1.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2023.

1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 05/5/2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*viết tắt là Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND*).

Tuy nhiên, qua quá trình thực hiện thì tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND không còn phù hợp với quy mô hoạt động, danh mục kỹ thuật được phê duyệt, nhu cầu phát triển chuyên môn của đơn vị, tình hình thực tế bệnh tật ngày càng diễn biến phức tạp và việc áp dụng các dịch vụ kỹ thuật mới, các phác đồ điều trị mới. Do đó, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cần được bổ sung thêm chủng loại, tăng số lượng để phục vụ công tác chẩn đoán, điều trị bệnh, góp phần thực hiện Đề án “*nâng cao năng lực ngành Y tế tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030*” theo Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vấn đề nêu trên thì việc ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thay thế Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

1.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND

Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND gồm **05** điều và **01** phụ lục, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- **Điều 3:** Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa

bàn tỉnh Tuyên Quang tại Phụ lục kèm theo.

- **Điều 4, Điều 5:** Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

- **Phụ lục:** Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND)

2.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2023.

2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 25/11/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND) và Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND).

Tuy nhiên, đến nay 02/02 căn cứ ban hành Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND và Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND đã được sửa đổi, bổ sung; việc đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được quy định tại 02 Quyết định riêng (Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND và Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND), nhưng tại 02 Quyết định này có nhiều nội dung tương đồng (như: *Thẩm quyền đánh giá, xếp loại; Hội đồng thẩm định đánh giá, xếp loại; thời gian đánh giá, xếp loại; một số nội dung về điểm và điều kiện xếp loại...*); qua thực hiện Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND và Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND có một số điểm không còn phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

Từ các vấn đề nêu trên thì việc ban hành 01 quyết định để thay thế 02

quyết định (Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND và Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND) là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quyết định nhằm khắc phục những nội dung không còn phù hợp với quy định và yêu cầu công tác quản lý tại các quy định đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị đã ban hành; xây dựng và ban hành các quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, đơn vị phù hợp quy định và yêu cầu quản lý góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

2.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND

Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND gồm **03** điều; Quy định kèm theo gồm **03** chương, **16** điều, cụ thể:

a) Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND

- **Điều 1:** Quy định về ban hành kèm theo Quyết định Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về hiệu lực thi hành, trách nhiệm thi hành.

b) Quy định kèm theo Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND

- **Chương I: Những quy định chung**, gồm 04 điều quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Mục đích đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động; (4) Nguyên tắc đánh giá, xếp loại.

- **Chương II: Thẩm quyền, hội đồng thẩm định, khung tiêu chí, phương pháp, thang điểm và xếp loại chất lượng**, gồm 07 điều quy định về: (1) Thẩm quyền đánh giá, xếp loại; (2) Hội đồng thẩm định; (3) Khung tiêu chí đánh giá, xếp loại; (4) Phương pháp, thang điểm và xác định kết quả đánh giá, xếp loại; (5) Xếp loại chất lượng hoạt động; (6) Thời gian đánh giá, xếp loại; hủy bỏ kết quả xếp loại và đánh giá, xếp loại lại; (7) Sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại.

- **Chương III: Trách nhiệm thực hiện**, gồm 04 điều quy định về: (1) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; (2) Trách nhiệm của Sở Nội vụ; (3) Trách nhiệm của Sở Tài chính; (4) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện; (5) Sửa đổi, bổ sung quy định.

3. Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 Ban hành Quy

định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND)

3.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

3.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 09/4/2019, UBND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND Ban hành Quy chế thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND). Căn cứ pháp lý chính để ban hành Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND là Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013).

Tuy nhiên, ngày 15/6/2022 Quốc hội đã thông qua Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024 và thay thế Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003. Theo đó, Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND có nhiều nội dung không còn phù hợp với Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

Từ vấn đề nêu trên thì việc ban hành Quyết định ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thay thế Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh được Quốc hội giao tại Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022; đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong tổ chức thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng và góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trong tình hình mới; động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang và Nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh.

3.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND

Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND gồm 03 điều; Quy định kèm theo gồm 03 chương, 09 điều, cụ thể:

a) Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND

- **Điều 1:** Quy định về ban hành kèm theo Quyết định Quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về hiệu lực thi hành, trách nhiệm thi hành. Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024 và thay thế Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Quy định kèm theo Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND

- **Chương I: Những quy định chung**, gồm 02 điều quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng.

- **Chương II: Đối tượng và tiêu chuẩn xét tặng danh thi đua và hình thức khen thưởng**, gồm 06 điều quy định về: (1) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho cá nhân trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh và công nhân, nông dân, người lao động quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng; (2) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; (3) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; (4) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”; (5) Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; (6) Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen.

- **Chương III: Tổ chức thực hiện**, gồm 01 điều quy định về trách nhiệm thi hành.

4. Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND)

4.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

4.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

- Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung) quy định:

“Điều 18. *Xác định giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất*

3. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất để áp dụng cho các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.”

- Điểm c, điểm d khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung) quy định:

“Điều 3. *Căn cứ tính tiền sử dụng đất*

c) ...Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất để áp dụng cho các trường hợp quy định tại Điểm này.

d) Hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành áp dụng từ ngày 01 tháng 01 hàng năm.”

- Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung) quy định:

“Điều 4. Đơn giá thuê đất

5. ...Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất để áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản này.

Hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành áp dụng từ ngày 01 tháng 01 hàng năm...”

- Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 76/2014/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung) quy định:

“Điều 3. Xác định tiền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất do Sở Tài chính chủ trì xác định theo từng khu vực, tuyến đường, vị trí tương ứng với từng mục đích sử dụng đất phù hợp với thị trường và điều kiện phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hàng năm sau khi xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

- Điểm d khoản 1 Điều 3 Thông tư số 77/2014/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung) quy định:

“Điều 3. Xác định đơn giá thuê đất

1. Trường hợp trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua đấu giá

Đơn giá thuê đất hàng năm được xác định bằng mức tỷ lệ (%) nhân (x) với giá đất tính thu tiền thuê đất, trong đó:

d) Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính thu tiền thuê đất do Sở Tài chính chủ trì xác định theo từng khu vực, tuyến đường, vị trí tương ứng với từng mục đích sử dụng đất phù hợp với thị trường và điều kiện phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hàng năm sau khi xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

Căn cứ các quy định nêu trên thì việc ban hành Quyết định quy định hệ số

điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang phù hợp với phân cấp và quy định của pháp luật hiện hành.

4.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND

Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND gồm **05** điều và **06** Phụ lục, cụ thể:

- **Điều 1, Điều 2:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- **Điều 3:** Quy định về Hệ số điều chỉnh giá đất, được quy định tại 06 Phụ lục.
- **Điều 4:** Quy định về điều khoản thi hành. Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 và thay thế Quyết định này thay thế Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
- **Phụ lục số 01:** Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 tại địa bàn thành phố Tuyên Quang.
- **Phụ lục số 02:** Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 tại địa bàn huyện Yên Sơn.
- **Phụ lục số 03:** Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 tại địa bàn huyện Hàm Yên.
- **Phụ lục số 04:** Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 tại địa bàn huyện Chiêm Hóa.
- **Phụ lục số 05:** Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 tại địa bàn huyện Na Hang.
- **Phụ lục số 06:** Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 tại địa bàn huyện Sơn Dương.

5. Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 Ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND)

5.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2024.

5.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 44/2022/NĐ-CP ngày 29/6/2022 của Chính phủ về việc xây dựng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản quy định:

“Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

4. Ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản địa phương và chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện Quy chế sau khi ban hành”.

Căn cứ quy định nêu trên thì việc ban hành Quyết định Ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nhằm cụ thể hóa trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản địa phương được quy định tại Điều 18 Nghị định số 44/2022/NĐ-CP ngày 29/6/2022 của Chính phủ về việc xây dựng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

5.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND

Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND gồm **03** điều; Quy định kèm theo gồm **03** chương, **09** điều, cụ thể:

a) Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND

- **Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về hiệu lực thi hành, trách nhiệm thực hiện.

b) Quy định kèm theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND

- **Chương I: Những quy định chung**, gồm 03 điều quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Nguyên tắc phối hợp thực hiện về chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

- **Chương II: Hình thức và nội dung phối hợp xây dựng, cung cấp**

thông tin, dữ liệu, gồm 03 điều quy định về: (1) Xây dựng, duy trì hệ thống thông tin; (2) Quy định về chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; (3) Hình thức phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu.

- Chương III: Trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, gồm 03 điều quy định về: (1) Trách nhiệm của Sở Xây dựng; (2) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan; (3) Điều khoản thi hành.

6. Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 Ban hành Quy chế phối hợp trong thực hiện công tác trách nhiệm bồi thường của nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND)

6.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2024.

6.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

- Trong những năm qua, việc phối hợp trong thực hiện quản lý nhà nước về bồi thường nhà nước đã được thực hiện, tuy nhiên chưa thường xuyên, do vậy việc nắm bắt thông tin, tình hình giải quyết vụ việc yêu cầu bồi thường tại các cơ quan giải quyết bồi thường chưa được kịp thời...

- Khoản 2 Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định

“Điều 28. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

2. Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương”.

- Ngày 24/10/2022, Bộ Tư pháp đã ban hành Văn bản số 4131/BTP-BTNN về việc xây dựng văn bản phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó tại mục 1.1 phần 1 Văn bản có nêu: *“Căn cứ vào tình hình thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại địa phương, UBND cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp tham mưu, trình UBND cấp tỉnh ban hành quy định về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại địa phương”.*

Từ các vấn đề nêu trên, việc ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong thực hiện công tác trách nhiệm bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quy chế nhằm bảo đảm việc thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; đồng thời tạo cơ sở pháp lý để thực hiện thống nhất công tác phối hợp thực hiện bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

6.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND

Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND gồm **03** điều; Quy định kèm theo gồm **03** chương, **17** điều, cụ thể:

a) Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND

- **Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định Quy chế phối hợp trong thực hiện công tác trách nhiệm bồi thường của nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về hiệu lực thi hành, trách nhiệm thực hiện.

b) Quy định kèm theo Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND

- **Chương I: Quy định chung**, gồm 05 điều quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Nguyên tắc phối hợp; (4) Nội dung phối hợp; (5) Hình thức phối hợp.

- **Chương II: Nội dung và trách nhiệm phối hợp**, gồm 10 điều quy định về: (1) Xây dựng, hoàn thiện pháp luật về thực hiện công tác trách nhiệm bồi thường của nhà nước và tổ chức thực hiện; (2) Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện công tác trách nhiệm bồi thường của nhà nước; (3) Phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện công tác trách nhiệm bồi thường của nhà nước; (4) Hướng dẫn nghiệp vụ công tác trách nhiệm bồi thường của nhà nước; (5) Xác định cơ quan giải quyết yêu cầu thực hiện trách nhiệm bồi thường của nhà nước; (6) Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu thực hiện trách nhiệm bồi thường của nhà nước (7) Giải quyết yêu cầu bồi thường; (8) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong giải quyết yêu cầu thực hiện trách nhiệm bồi thường của nhà nước, thực hiện trách nhiệm hoàn trả; người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường hoặc huỷ quyết định giải quyết bồi thường; (9) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, báo cáo, thống kê trong thực hiện công tác trách nhiệm bồi thường của nhà nước; (10) Phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong thực hiện công tác trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

- **Chương III: Tổ chức thực hiện**, gồm 02 điều quy định về: (1) Kinh phí

thực hiện; (2) Trách nhiệm thi hành.

7. Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là *Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND*)

7.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2024.

7.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP quy định:

“Điều 9. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước

2. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của bộ, ngành, địa phương mình.”

Căn cứ các quy định trên thì việc ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quy chế nhằm tạo cơ sở pháp lý để thực hiện thống nhất công tác phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

7.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND

Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND gồm **03** điều; Quy định kèm theo gồm **03** chương, **15** điều, cụ thể:

a) Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND

- **Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định Quy chế phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về hiệu lực thi hành, trách nhiệm thực hiện.

b) Quy định kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND

- **Chương I: Quy định chung**, gồm 04 điều quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Nguyên tắc phối hợp; (4) Hình thức phối hợp.

- **Chương II: Nội dung và trách nhiệm phối hợp**, gồm 09 điều quy định về: (1) Phối hợp xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; (2) Phối hợp xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật Phối hợp xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật; (3) Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện; (4) Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật; (5) Phối hợp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; (6) Phối hợp điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật; (7) Phối hợp thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật; (8) Phối hợp xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; (9) Phối hợp báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- **Chương III: Tổ chức thực hiện**, gồm 02 điều quy định về: (1) Kinh phí thực hiện; (2) Trách nhiệm thi hành.

8. Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND)

8.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2024.

8.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 26/12/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp với các sở, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên, đến nay một số nội dung của Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Khoản 9 Điều 66 và điểm b khoản 1 Điều 68 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế quy định:

“Điều 66. Quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh

9. Ban hành và giám sát thực hiện Quy chế phối hợp giữa Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế với các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hướng dẫn, quy định phân cấp, ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về các lĩnh vực theo quy định tại Nghị định này.

Điều 68. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế

1. Tham gia ý kiến, xây dựng và trình các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng Quy chế phối hợp làm việc với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc các cơ quan có liên quan để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt”.

Căn cứ các quy định trên thì việc ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để thay thế Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Nhằm kịp thời ban hành các quy định về trách nhiệm và mối quan hệ, phối hợp làm việc giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đảm bảo tính thống nhất, đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nơi có khu công nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

8.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND

Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND gồm 03 điều; Quy định kèm theo gồm 03 chương, 15 điều, cụ thể:

a) Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND

- **Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp

trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về hiệu lực thi hành, trách nhiệm thực hiện.

b) Quy định kèm theo Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND

- **Chương I: Quy định chung**, gồm 04 điều quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Nguyên tắc phối hợp; (4) Phương thức phối hợp.

- **Chương II: Nội dung và trách nhiệm phối hợp**, gồm 10 điều quy định về nội dung và trách nhiệm phối hợp: (1) Quản lý đầu tư; (2) Xúc tiến đầu tư; (3) Quản lý quy hoạch và xây dựng; (4) Quản lý môi trường; (5) Quản lý lao động; (6) Quản lý đất đai và hạ tầng khu công nghiệp; (7) Quản lý về khoa học và công nghệ; (8) Quản lý xuất nhập khẩu, quản lý thuế; (9) Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; phòng, chống cháy nổ; (10) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm.

- **Chương III: Tổ chức thực hiện**, gồm 01 điều quy định về trách nhiệm thi hành.

9. Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND)

9.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2024.

9.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang để tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, qua 02 năm triển khai thực hiện có một số nội dung của quy định phân cấp không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn.

Do vậy, việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thay thế Quyết định số

05/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh là cần thiết.

b) Mục đích ban hành

Nhằm đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo tinh thần Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; phát huy sự chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành và khai thác hiệu quả các nguồn lực của địa phương.

9.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND

Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND gồm **03** điều; Quy định kèm theo gồm **03** chương, **17** điều, cụ thể:

a) Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND

- **Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Điều 2, Điều 3:** Quy định về điều khoản thi hành, tổ chức thực hiện.

b) Quy định kèm theo Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND

- **Chương I: Những quy định chung**, gồm 05 điều quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Nguyên tắc phân cấp; (4) Nội dung phân cấp quản lý; (5) Danh mục chức danh phân cấp quản lý.

- **Chương II: Quy định cụ thể**, gồm 10 điều quy định về: (1) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; (2) Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ; (3) Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp huyện; (4) Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; (5) Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc; (6) Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; (7) Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (8) Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc cơ quan

quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; (9) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch hội đồng quản trị; (10) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh.

- **Chương III: Điều khoản thi hành**, gồm 02 điều quy định về: (1) Tổ chức thực hiện; (2) Sửa đổi, bổ sung quy định.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 12 năm 2023, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (Báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ban, ngành, tổ chức cấp tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- UBND huyện, TP;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT Sở TP (đăng tải);
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược